

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG  
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: ĐIỀU DƯỠNG**

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC**

**HÀ NỘI - 2012**

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Điều dưỡng (*Nursing*)  
**Mã ngành:** 52720501

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2012/TT-BGDĐT  
ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**1.1- Mục tiêu chung**

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có y đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**1.2- Mục tiêu cụ thể**

***Về thái độ:***

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.
- Tôn trọng quyền của người bệnh.
- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

### ***Về kiến thức***

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### ***Về kỹ năng***

Người điều dưỡng có những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết:

- Hành nghề theo pháp luật nhà nước và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.
- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.

- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.

## **2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

### **2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế:**

**Khối lượng kiến thức tối thiểu:** 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng – an ninh (11 đvht).

**Thời gian đào tạo:** 4 năm

### **2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:**

| <b>TT</b>        | <b>Khối lượng học tập</b>  | <b>ĐVHT</b> |
|------------------|--|-------------|
| <b>1</b>         | <b>Kiến thức Giáo dục đại cương tối thiểu</b> (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng) | 45          |
| <b>2</b>         | <b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</b>   |             |
|                  | Kiến thức cơ sở ngành  | 44          |
|                  | Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)   | 75          |
|                  | Kiến thức bổ trợ (tự chọn)   | 22          |
|                  | Thực tế nghề nghiệp  | 06          |
|                  | Thi tốt nghiệp hoặc khoá luận  | 10          |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>202</b>  |

### 3. KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC

#### 3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

##### 3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

41 đvht (39 LT- 02 TH)

| TT                              | TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN                           | Tổng số ĐVHT | Phân bố ĐVHT |           |
|---------------------------------|--|--------------|--------------|-----------|
|                                 |  |              | LT           | TH        |
| <b>Các môn chung</b>            |  |              |              |           |
| 1.                              | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | 8            | 8            | 0         |
| 2.                              | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 3            | 3            | 0         |
| 3.                              | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN              | 4            | 4            | 0         |
| 4.                              | Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)                 | 10           | 10           | 0         |
| 5.                              | Tin học đại cương                              | 2            | 1            | 1         |
| 6.                              | Giáo dục thể chất*                             | 5 *          |              |           |
| 7.                              | Giáo dục Quốc phòng - An ninh*                 | 11*          |              |           |
| <b>Các môn cơ sở khối ngành</b> |  |              |              |           |
| 8.                              | Xác suất – Thống kê y học                      | 2            | 2            | 0         |
| 9.                              | Hóa học  | 2            | 2            | 0         |
| 10.                             | Sinh học và Di truyền                          | 3            | 2            | 1         |
| 11.                             | Vật lý và Lý sinh                              | 2            | 2            | 0         |
| 12.                             | Nghiên cứu khoa học                            | 2            | 2            | 0         |
| 13.                             | Tâm lý y học – Đạo đức Y học                   | 3            | 3            | 0         |
| <b>Tổng cộng</b>                |  | <b>41*</b>   | <b>39*</b>   | <b>2*</b> |

\* Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh

### 3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

#### 3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành:

44đvht (30LT-14TH)

| TT  | Tên môn học/ học phần                            | Đơn vị học trình |           |           |
|-----|--|------------------|-----------|-----------|
|     |  | TC               | LT        | TH        |
| 1.  | Giải phẫu  | 5                | 3         | 2         |
| 2.  | Sinh lý  | 4                | 3         | 1         |
| 3.  | Hóa sinh   | 4                | 3         | 1         |
| 4.  | Vi sinh vật                                      | 3                | 2         | 1         |
| 5.  | Ký sinh trùng                                    | 2                | 1         | 1         |
| 6.  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch                         | 4                | 3         | 1         |
| 7.  | Dược lý  | 4                | 3         | 1         |
| 8.  | Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người | 2                | 1         | 1         |
| 9.  | Dinh dưỡng - Tiết chế                            | 4                | 3         | 1         |
| 10. | Sức khỏe môi trường                              | 3                | 2         | 1         |
| 11. | Dịch tễ học                                      | 3                | 2         | 1         |
| 12. | Pháp luật - Tổ chức Y tế                         | 3                | 2         | 1         |
| 13. | Y học cổ truyền                                  | 3                | 2         | 1         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                 | <b>44</b>        | <b>30</b> | <b>14</b> |

#### 3.1.2.2. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành): 83 đvht (40LT-43TH)

| TT | Tên môn học/ học phần                            | Đơn vị học trình |    |    |
|----|--|------------------|----|----|
|    |  | TC               | LT | TH |
| 1. | Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng     | 4                | 3  | 1  |
| 2. | Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng     | 3                | 2  | 1  |
| 3. | Điều dưỡng cơ sở I                               | 6                | 3  | 3  |
| 4. | Điều dưỡng cơ sở II                              | 5                | 2  | 3  |
| 5. | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng | 3                | 2  | 1  |
| 6. | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I   | 6                | 3  | 3  |

|             |   |           |           |           |
|-------------|---|-----------|-----------|-----------|
| 7.          | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II         | 4         | 2         | 2         |
| 8.          | Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực         | 2         | 1         | 1         |
| 9.          | Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi                        | 2         | 1         | 1         |
| 10.         | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I        | 6         | 3         | 3         |
| 11.         | Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II       | 4         | 2         | 2         |
| 12.         | Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng | 6         | 3         | 3         |
| 13.         | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                | 6         | 3         | 3         |
| 14.         | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm               | 4         | 2         | 2         |
| 15.         | Chăm sóc sức khỏe tâm thần                              | 4         | 2         | 2         |
| 16.         | Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng          | 3         | 2         | 1         |
| 17.         | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng                             | 4         | 2         | 2         |
| 18.         | Quản lý điều dưỡng                                      | 3         | 2         | 1         |
| 19.         | Thực tế tốt nghiệp                                      | 8         | 0         | 8         |
| <b>Cộng</b> |   | <b>83</b> | <b>40</b> | <b>43</b> |

### **3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc**

#### **1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin** **8 đvht**

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh** **3 đvht**

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam** **4 đvht**

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **4. Ngoại ngữ** **10 đvht**

Gồm 3 học phần.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật hình ảnh y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

### **5. Tin học đại cương** **2 đvht**

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

### **6. Giáo dục thể chất** **5 đvht**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao)



### **7. Giáo dục quốc phòng - an ninh**

**11 đvht**

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

### **8. Xác suất - thống kê y học**

**2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

### **9. Hóa học**

**2 đvht**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

### **10. Sinh học và di truyền**

**3 đvht**

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

### **11. Vật lý và lý sinh**

**2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

### **12. Nghiên cứu khoa học Điều dưỡng**

**2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – thống kê y học.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học về điều dưỡng. Phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học về điều dưỡng.

### **13. Tâm lý y học và đạo đức Y học**

**3 đvht**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

### **14. Giải phẫu – Mô phôi**

**5 đvht**

*Học phần 1 - Giải phẫu:* Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

*Học phần 2 – Mô phôi:*

*Điều kiện tiên quyết:* Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu trúc vi thể của các mô, các bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

### **15. Sinh lý**

**4 đvht**

*Điều kiện tiên quyết:* Giải phẫu, lý sinh, hoá học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với

môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

#### **16. Hoá sinh**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường. Vận dụng những kiến thức hóa sinh vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

#### **17. Vi sinh vật**

**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; nguyên tắc phòng và chống vi sinh vật gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Vận dụng những kiến thức vi sinh vật vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

#### **18. Ký sinh trùng**

**2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ học của một số loại ký sinh trùng chủ yếu ở Việt nam; đặc điểm cơ bản về bệnh học, nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng; mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Vận dụng những kiến thức về ký sinh trùng vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

#### **19. Sinh lý bệnh – Miễn dịch**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn. Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh-Miễn dịch vào việc học tập các môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

#### **20. Dược lý**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học như: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, bài tiết, tác dụng mong muốn và không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thường dùng. Nhận biết hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản; Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

#### **21. Sức khỏe – Nâng cao sức khỏe và hành vi con người**

**2 đvht**

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe, về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng nâng cao sức khỏe; các khái niệm cơ bản về hành vi con người; mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe, vai trò của nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

#### **22. Dinh dưỡng – Tiết chế**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, hoá sinh

Nội dung bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi

và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm; Vận dụng kiến thức về Dinh dưỡng-Tiết chế vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hoá của người bệnh và cộng đồng.

### **23. Sức khoẻ môi trường**

**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khoẻ; Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường. Vận dụng những kiến thức về sức khoẻ môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh và cộng đồng. Nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.

### **24. Dịch tễ học**

**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khoẻ; Các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng sức khoẻ của cộng đồng dân cư; Phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khoẻ.

### **25. Pháp luật - Tổ chức y tế**

**3 đvht**

Nội dung gồm kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ và hành nghề Điều dưỡng. Kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành Điều dưỡng Việt Nam.

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người Điều dưỡng và hệ thống tổ chức Điều dưỡng.

### **26. Y học cổ truyền**

**3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về lý luận Y học cổ truyền: Một số phương pháp chẩn trị của Y học cổ truyền; Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền;

### **27. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Sức khoẻ - nâng cao sức khoẻ và hành vi con người

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau; hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp lấy người bệnh là trung tâm.

### **28. Giáo dục sức khoẻ trong thực hành điều dưỡng**

**2 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khoẻ, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khoẻ và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

### **29. Điều dưỡng cơ sở**

**11 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

Môn học chia 3 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; đạo đức, định

hướng phát triển; các học thuyết về điều dưỡng; qui trình điều dưỡng; thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.

**30. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng** **3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

**31. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa** **9 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

**32. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực** **4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.

**33. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi** **3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; Nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi;

**34. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa**

**9 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại; Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

**35. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng 6 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ và thời kỳ mãn kinh. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản-Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình;

**36. Chăm sóc sức khỏe trẻ em**

**6 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; chăm sóc sức khỏe trẻ em; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bệnh).

**37. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm**

**4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ



thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

**38. Chăm sóc sức khỏe tâm thần 4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu, chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh);

**39. Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng 3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng; Một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong quá trình chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng bằng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

**40. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 4 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng sức khỏe cộng đồng.

**41. Quản lý điều dưỡng 3 đvht**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ người Điều dưỡng trong hệ thống quản lý Điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn.

#### **42. Thực tế tốt nghiệp**

**4 đvht**

Đợt thực tế tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện;

Đợt thực tế tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; Phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả; Chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

### **1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG ĐỂ THIẾT KẾ CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ**

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

#### **4.1. Chương trình khung đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học**

Chương trình khung đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được thực hiện ở tất cả các trường đại học/ khoa y của trường đại học y để đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học.

Chương trình được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường ký phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khoá học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tuỳ theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

#### **4.2. Phân kiến thức bổ trợ**

Các trường có thể thiết kế phân kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Điều dưỡng theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Điều dưỡng hoặc theo hướng

phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Điều dưỡng đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Điều dưỡng đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khoá học.

### **4.3. Thực tập, thực hành bệnh viện, thực tế tại cộng đồng:**

#### ***4.3.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng***

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng tiền lâm sàng phải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

#### ***4.3.3. Thực hành bệnh viện:***

Sinh viên được thực hành bệnh viện, tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, làm các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của các trường.

#### **4.3.4. Thực hành chăm sóc sức khoẻ cộng đồng:**

Nên bố trí vào học kỳ 5 (năm thứ ba) sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Sức khỏe - Môi trường, Dinh dưỡng - Tiết chế, Giáo dục sức khỏe và thực hành Điều dưỡng và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường.

#### **4.4. Phương pháp dạy/ học:**

- Coi trọng tự học của sinh viên.
- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/ học tích cực.
- Đảm bảo sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo cho sinh viên.
- Khi có tương đối đủ sách giáo khoa, khuyến khích giảm số giờ lên lớp lý thuyết để sinh viên có thêm thời gian tự học.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thí nghiệm, thực hành lâm sàng tại bệnh viện và thực tế tại cộng đồng bằng cách phân công giảng viên kết hợp với giảng viên kiêm chức tại cơ sở theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên, tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi kỹ thuật xét nghiệm, mỗi kỹ thuật chăm sóc và mỗi đơn vị học trình.

#### **4.5. Đánh giá người học:**

##### **4.5.1. Kiểm tra, thi thường xuyên:**

Theo Quy chế và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Đối với các môn học/học phần thuộc khối kiến thức đại cương và các môn chung, kiến thức cơ sở, môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần lâm sàng, sau mỗi học phần sinh viên có một điểm thi kết thúc học phần.

- Đối với các môn học/học phần lâm sàng như: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I và II, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I và II, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng, sau mỗi học phần sinh viên có hai

điểm thi kết thúc học phần độc lập: phần lý thuyết (đánh giá như học phần chỉ có lý thuyết) và thực hành (đánh giá như học phần chỉ có thực hành).

#### **4.5.2. Thi tốt nghiệp:**

Thực hiện đúng quy chế và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối lượng kiến thức ôn thi tối thiểu: 20 đvht.
- Thời gian thi: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Hình thức thi: Thi tốt nghiệp gồm hai phần lý thuyết và thực hành, điểm thi của mỗi phần được tính độc lập.

##### **\* Thi lý thuyết:**

Thi viết câu hỏi truyền thống có cải tiến hoặc câu hỏi trắc nghiệm.

Nội dung tổng hợp kiến thức các nội dung học mà trọng tâm là các nội dung: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng, Quản lý điều dưỡng, chú ý đúng mức kiến thức nội dung Tâm lý học – Y đức.

##### **\* Thi thực hành:**

- Thi theo hình thức truyền thống, rút thăm chọn người bệnh, làm kế hoạch chăm sóc và tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.
- Và/ hoặc thi theo hình thức thi thực hành nhiều trạm (OSPE, OSCE) chú ý kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích, ra quyết định và giải quyết vấn đề.

**\* Thi môn Lý luận chính trị:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

#### **4.6. Điều kiện tối thiểu để có thể đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học:**

Các cơ sở đào tạo đại học Điều dưỡng phải là các trường đại học Điều dưỡng hoặc Khoa Điều dưỡng trong các trường đại học Y Dược. Ngoài việc đảm bảo các điều kiện về giảng dạy các môn học/học phần

thuộc kiến thức giáo dục đại cương và các môn chung, các cơ sở đào tạo phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

#### **4.6.1. Tổ chức:**

Ngoài các Bộ môn giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, các cơ sở đào tạo đại học Điều dưỡng phải có các bộ môn (khoa) sau:

- Bộ môn Giải phẫu
- Bộ môn Sinh lý
- Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch
- Bộ môn Hóa sinh
- Bộ môn Vi sinh vật - Ký sinh trùng
- Bộ môn Dược lý
- Bộ môn (Khoa) Y tế cộng đồng
- Bộ môn Luật - Tâm lý
- Bộ môn (Khoa) Điều dưỡng cơ bản
- Bộ môn Điều dưỡng cấp cứu
- Bộ môn Điều dưỡng Nội khoa
- Bộ môn Điều dưỡng Ngoại khoa
- Bộ môn Điều dưỡng trẻ em (Nhi)
- Bộ môn Điều dưỡng Phụ Sản
- Bộ môn Điều dưỡng Tâm thần
- Bộ môn Điều dưỡng người cao tuổi
- Bộ môn Y học cổ truyền
- Bộ môn Phục hồi chức năng

#### **4.6.2. Cơ sở vật chất:**

Mỗi bộ môn có nội dung học thực hành phải có ít nhất 01 phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo diện tích và được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

**4.6.3. *Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành:***

Đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Văn Ga**